

Số: /QĐ-VHXXH

Nam Gia Nghĩa, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán
ngân sách năm 2026 của phòng Văn hóa – Xã hội

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND phường Nam Gia Nghĩa, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 17/TB-KTHTĐT ngày 26/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc thẩm tra phân bổ dự toán năm 2026 Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-VHXXH ngày 29/10/2025 của phòng Văn hóa – Xã hội về việc giao dự toán bổ sung, thu hồi kinh phí năm 2025;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của phòng Văn hóa – Xã hội phường Nam Gia Nghĩa, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của bộ phận chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của phòng Văn hóa – Xã hội:

(Theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng đơn vị, bộ phận kế toán và toàn thể công chức phòng Văn hóa – Xã hội phường Nam Gia Nghĩa tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT(lq).

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Xuân

Đơn vị: Phòng Văn hóa – Xã hội phường Nam Gia Nghĩa

Chương: 832

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- VHXXH ngày /01/2026 của phòng Văn hóa – Xã hội)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.613,337
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.613,337
1	Chi quản lý hành chính	5.483,137
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 khoản 341 nguồn 13)	3.010,468
-	Các khoản lương, tính chất lương	2.582,612
-	Chi khác theo biên chế được giao	427,856
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 khoản 341 nguồn 18)	155,451
-	Kinh phí khen thưởng cho công chức cơ quan theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ	155,451
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 khoản 341 nguồn 12)	2.317,217
-	Kinh phí tổ chức mừng thọ, chúc thọ cho người cao tuổi trên địa bàn phường Nam Gia Nghĩa	200
-	Kinh phí cải cách hành chính	39,325
-	Kinh phí thi đua khen thưởng của phường	482,927
-	Kinh phí phục vụ các Hội đồng: Hội đồng kỷ luật; hội đồng đánh giá cơ quan đơn vị; hội đồng xét nâng lương	11,798
-	Kinh phí công tác quản lý nhà nước về Thanh niên và tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch UBND phường với Thanh niên theo Nghị định số 13/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ	15,730

-	Kinh phí tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, CCVC, cán bộ không chuyên trách tổ dân phố	78,650
-	Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử	10
-	Kinh phí hoạt động cho Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư	39,325
-	Kinh phí Tổ chức Hội thi ẩm thực, văn hóa truyền thống nhân dịp Tết nguyên đán trên địa bàn phường; kinh phí tổ chức chương trình giao lưu, bảo tồn văn hóa công chiêng	66,853
-	Kinh phí tổ chức Đại hội thể dục thể thao ngành giáo dục, kinh phí tổ chức các phong trào thể dục, thể thao, văn nghệ; lễ hội truyền thống, kinh phí tham gia các phong trào thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ do các cấp, ngành tổ chức	471,900
-	Kinh phí chi người uy tín, ... (thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết, hoặc lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn)	100
-	Kinh phí hoạt động công tác tôn giáo, quản lý nhà nước về tôn giáo (thăm, tặng quà chúc mừng các ngày lễ tôn giáo, phật giáo trên địa bàn)	31,460
-	Kinh phí hoạt động của các ban chỉ đạo: vệ sinh an toàn thực phẩm và tổ giúp việc; hành nghề dược tư nhân; phòng chống dịch bệnh; loại trừ bệnh phong; Hội đồng công nhận xã, phường duy trì đạt độ tiêu chí về Y tế.	7,865
-	Kinh phí hoạt động của đoàn kiểm tra về: ATTP; hành nghề y dược tư nhân; phòng chống dịch bệnh; kiểm tra các chỉ tiêu về y tế; kiểm tra các hoạt động y tế trường học.	7,865
-	Kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền Tháng hành động phòng chống HIV năm 2026	7,865
-	Kinh phí khám nghĩa vụ quân sự theo Thông tư 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng quy định việc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự	62,920
-	Kinh phí hỗ trợ cho các thôn, bon, tổ dân phố tổ chức tết thiếu nhi 01/6 và Trung thu và tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp tết thiếu nhi, tết trung thu	62,920
-	Kinh phí chi trả thù lao hàng tháng cho Đội công tác xã hội tình nguyện phường Nam Gia Nghĩa; kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của Đội công tác xã hội tình nguyện	112,904
-	Kinh phí hoạt động chung của ngành giáo dục	428,261
-	Kinh phí thăm tặng quà và tổ chức các ngày lễ ngành giáo dục và đào tạo: Lễ Khai giảng năm học 2026-2027; ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2026; Lễ tổng kết năm học	78,650
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	784
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0

2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 100 khoản 103 - nguồn 12)	784
-	Kinh phí hỗ trợ người làm công tác chuyên trách chuyển đổi số công nghệ thông tin theo Nghị định 179/2025/NĐ-CP của Chính phủ	60
-	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	724
3	Chi lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề	1.207,8
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.207,8
-	Chính sách hỗ trợ miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ. (Loại 070 khoản 092 nguồn 12)	907,8
-	Chính sách hỗ trợ miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ. (Loại 070 khoản 093 nguồn 12)	300
4	Chi bảo đảm xã hội	5.138,4
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 370 khoản 371 - nguồn 12)	150
-	Kinh phí thăm tặng quà các dịp Lễ, tết cho người có công với cách mạng, lễ kỷ niệm 79 năm ngày Thương binh liệt sĩ 27/7/1947-27/7/2026); tổ chức Lễ viếng Nghĩa trang liệt sĩ vào các dịp lễ	150
4.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 370 khoản 398 - nguồn 12)	4.988,4
-	Chính sách hỗ trợ đối tượng Bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và NĐ 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ	3.680
-	Chính sách hỗ trợ đối tượng theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ	1.300
-	Trợ cấp hàng tháng đối với nghệ nhân ưu tú có hoàn cảnh khó khăn theo NĐ 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ	8,4
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	

9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	